Tỉnh ủy Hưng Yên
28.12.2022 14:19:14 +07:00

TỈNH ỦY HƯNG YÊN	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	
Số 119 -KH/TU	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 12 năm 2022*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

---

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ban thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, nhất là trong sản xuất nông nghiệp; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hoà nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, nước sạch; ứng phó hiệu quả với các thảm hoạ, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Đến năm 2025:* 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất; cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, đê điều bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng phòng chống hạn hán, úng ngập, chống lũ theo thiết kế; chuyển 30% nhà máy cấp nước tập trung khai thác từ nguồn nước ngầm sang khai thác, sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng, sông Luộc hoặc từ nguồn nước của nhà máy nước mặt sông Đuống; chuyển 50% khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp và khu đô thị khai thác từ nguồn nước ngầm sang khai thác, sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng, sông Luộc hoặc từ nguồn nước của nhà máy nước mặt sông Đuống.

- *Đến năm 2030:* Cân đối đủ nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, đê điều hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống hạn hán, úng ngập và phòng, chống lũ; bước đầu khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số khu vực trong hệ thống công trình thuỷ lợi chính trên địa bàn tỉnh; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và vận hành

hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát chất lượng và an ninh nguồn nước theo phương thức quản trị nguồn nước của quốc tế. Chuyển 70% nhà máy khai thác từ nguồn nước dưới đất; 50% khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp và khu đô thị khai thác từ nguồn nước ngầm còn lại sang khai thác, sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng, sông Luộc hoặc từ nguồn nước của nhà máy nước mặt sông Đuống.

- *Đến năm 2045:* Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống công trình thuỷ lợi; triển khai, thực hiện các chính sách, quy định về nước đồng bộ, thống nhất liên ngành, liên vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH NGUỒN NƯỚC VÀ AN TOÀN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU

1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước trong tình hình mới

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp nhận thức đúng, đầy đủ về bảo đảm an ninh nguồn nước là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trên cơ sở đó xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp, các ngành và nhân dân trong thực hiện công tác này. Phát huy vai trò giám sát của người dân, cộng đồng; vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động nhân dân quản lý, chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước

- Rà soát, kiến nghị, đề xuất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nguồn nước bảo đảm thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã và sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành, các cấp, địa phương; rà soát, thống nhất đơn vị quản lý, khai thác thuỷ lợi, đê điều và nước sạch.

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên huyện, liên vùng; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thuỷ lợi, đê điều, cấp nước sinh hoạt, bảo đảm năng lực cấp nước, tiêu thoát nước phòng chống lũ, kết hợp phục hồi nguồn nước suy thoái, ô nhiễm.

- Có chính sách thu hút nguồn vốn ODA, nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư xây dựng công trình liên kết, kết nối nguồn nước và công trình bảo đảm an sinh xã

hội. Bố trí đủ nguồn lực, trước hết là ngân sách nhà nước để nâng cấp, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều trước các mùa mưa lũ.

- Nghiên cứu ban hành chính sách, cơ chế khuyến khích và hỗ trợ, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, áp dụng, ứng dụng biện pháp sử dụng nước tiên tiến, tiết kiệm; xử lý nước thải hiệu quả, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, tài nguyên nước và điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng nguồn nước

- Xây dựng kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cực đoan về hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước; có giải pháp dài hạn cho vùng có nguy cơ cao về mất an ninh nguồn nước; xây dựng hệ thống giám sát hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quy hoạch, điều tra cơ bản, giám sát, kiểm kê, đánh giá trữ lượng nguồn nước (nước mặt, nước dưới đất), phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn nước trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, bảo đảm sự kết nối, chia sẻ hiệu quả giữa các cấp, ngành, địa phương; rà soát, điều chỉnh vùng hạn chế khai thác nước ngầm trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ động tích trữ, điều hoà, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội

- Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều nước; thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất để giảm thất thoát, lãng phí; tăng cường thực hiện các biện pháp sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp tiết kiệm, hiệu quả. Triển khai các giải pháp bổ sung nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp tại các vùng khó khăn về nước.

- Đầu tư khép kín, hoàn chỉnh hệ thống công trình thuỷ lợi, bảo đảm chủ động trữ nước, điều hoà, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên huyện, liên vùng. Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp, thoát nước sinh hoạt nông thôn, đô thị; thực hiện giải pháp tích trữ nước quy mô nhỏ, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều

- Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các các công trình thủy lợi, đê điều hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng phòng chống hạn hán, úng ngập, phòng chống lũ theo thiết kế. Khẩn trương nghiên cứu xây dựng mới các công trình thủy lợi tại các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, ngập lụt để bảo đảm việc cấp nước và tiêu thoát nước; trước mắt, tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi để phục vụ tiêu thoát nước cho khu vực công nghiệp, đô thị trên địa bàn các huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ và Ân Thi. Nâng cấp, hiện đại hoá

các công trình phòng, chống tác hại của nước, bảo đảm an toàn chống lũ kết hợp kiểm soát nguồn nước.

- Rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của các công trình thủy lợi, đê điều, nạo vét bồi lắng lòng sông, kênh trục, bảo đảm theo thiết kế. Hiện đại hoá hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở thông tin dữ liệu liên quan đến an ninh nguồn nước kết nối với hệ thống quan trắc khí tượng, thuỷ văn để phục vụ quản lý, vận hành công trình thủy lợi, đê điều theo thời gian thực.

6. Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

- Tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, nguy cơ mất an ninh nguồn nước theo thời gian thực; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu, bảo đảm chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh. Tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hoá công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thuỷ lợi, hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản (đất, cát,…) lòng sông, kênh trục.

- Nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc khí tượng thuỷ văn, chú trọng mạng lưới trạm thuỷ văn chuyên dùng. Tiếp tục thực hiện xây dựng, củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn công trình thuỷ lợi và thực hiện hiệu quả Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ, sạt lở bờ sông.

7. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước

- Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thông minh, vật liệu thân thiện với môi trường, phục vụ quản lý nguồn nước, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh. Chú trọng ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ; đẩy mạnh chuyển đổi số để quản lý, điều tiết nguồn nước, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tái sử dụng nước, phát triển, tạo nguồn nước mới, thu, tích trữ, điều tiết, điều hoà, chuyển nước, liên kết nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nước, hiệu quả, an toàn, tuần hoàn, giảm thất thoát nước, tăng hiệu quả sử dụng nước; giám sát, quan trắc an toàn cho hệ thống công trình thủy lợi, đê điều và mạng lưới khí tượng thuỷ văn và hệ thống quan trắc; quản lý hiệu quả nhu cầu sử dụng nước trong các ngành kinh tế, nhất là trong nông nghiệp. Xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước.

8. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thuỷ, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

- Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, nhất là nước thải sinh hoạt, công nghiệp. Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả

thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi không còn khả năng chịu tải.

- Xây dựng và triển khai lộ trình cấm sử dụng các loại hoá chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước; quản lý chặt chẽ việc khai thác nước dưới đất ở khu vực có nguy cơ sụt lún đất, cạn kiệt và suy thái nguồn nước ngầm. Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng, bảo vệ nguồn nước.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,; các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy phổ biến, quán triệt, cụ thể hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị; tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nghiên cứu, quán triệt nội dung Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này.

3. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân hưởng ứng và tham gia giám sát việc triển khai thực hiện.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc thực hiện Kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này.

Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các ban, sở, ngành liên quan theo dõi việc thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY HƯNG YÊN

Trần Quốc Toản

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng *(để b/c)*;
- Ban KTTW, VPTW Đảng;
- Đảng đoàn HĐND tỉnh;
- Bán cán sự đảng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy TTTU;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- LĐVP, CV VPTU;
- Lưu VPTU.